

Số: /KH-UBND

Năm Dẫn, ngày tháng 01 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện nâng cao chất lượng công tác CCHC gắn với đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã Năm Dẫn đáp ứng yêu cầu đổi mới, giai đoạn 2025 – 2030

Thực hiện Kế hoạch số 158/KH-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, về triển khai thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TU ngày 18/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nâng cao chất lượng công tác cải cách hành chính gắn với đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đáp ứng yêu cầu đổi mới, giai đoạn 2025 – 2030.

Ủy ban nhân dân xã Năm Dẫn ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện nâng cao chất lượng công tác CCHC gắn với đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã Năm Dẫn đáp ứng yêu cầu đổi mới, giai đoạn 2025 - 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và quán triệt đầy đủ, sâu sắc nội dung Nghị quyết số 45-NQ/TU đến toàn thể đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức (CBCCV) và Nhân dân; qua đó nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác cải cách hành chính (CCHC) gắn với đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu đổi mới trong giai đoạn hiện nay.

Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp CCHC theo Nghị quyết số 45-NQ/TU, bảo đảm tính thống nhất, liên thông và hiệu quả trong thực hiện.

Xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp, sản phẩm đầu ra và tiến độ thực hiện; từng bước xây dựng và áp dụng Hệ thống chỉ số đánh giá hiệu quả công việc (KPI) nhằm theo dõi, đo lường tiến độ và chất lượng thực hiện; thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao, tạo chuyển biến rõ rệt về chất lượng CCHC, hướng tới xây dựng nền hành chính số trên các lĩnh vực.

Nghiên cứu, tham mưu đề xuất các cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa, bảo đảm nguồn lực ổn định, bền vững cho công tác CCHC.

2. Yêu cầu

Việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch phải bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 45-NQ/TU.

Xác định cụ thể các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trên cơ sở điều kiện thực tế, tiềm năng và lợi thế của địa phương; bảo đảm tính khả thi cao, quy định rõ cơ

quan chủ trì, cơ quan phối hợp và thời gian hoàn thành, làm căn cứ để theo dõi, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện. Thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai Kế hoạch theo phương châm 5 rõ (*rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả*) và 3 dám (*dám nghĩ, dám làm, dám đột phá*).

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong toàn bộ quá trình triển khai Kế hoạch; sử dụng hiệu quả các nền tảng số và công cụ trực tuyến để quản lý, theo dõi và giám sát tiến độ, kết quả thực hiện. Bảo đảm tính công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho công tác chỉ đạo, điều hành cũng như phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện Kế hoạch; gắn kết chặt chẽ kết quả triển khai với công tác đánh giá, xếp loại, khen thưởng và xử lý kỷ luật. Người đứng đầu phải trực tiếp chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra và giám sát, đồng thời chịu trách nhiệm toàn diện về tiến độ, chất lượng và hiệu quả của các nhiệm vụ được giao.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

1.1. Xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, công khai, minh bạch; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động của chính quyền xã. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính (*TTHC*), nâng cao chất lượng giải quyết hồ sơ cho người dân và doanh nghiệp; thúc đẩy cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thực hiện phân cấp, phân quyền hợp lý. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức xã; thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, thúc đẩy chuyển đổi số; từng bước hoàn thiện chính quyền điện tử, chính quyền số ở cấp xã.

1.2. Góp phần nâng cao Chỉ số CCHC của xã Nám Dẩn, phấn đấu xếp hạng từ 50 đến 55/124 phường/xã; bảo đảm mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 95%; mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 90%.

2. Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2025-2030

2.1. Cải cách thể chế

- Năm 2025 – 2026:

+ Thực hiện rà soát, ban hành và tổ chức triển khai các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật; bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ và khả thi.

+ Thực hiện kiểm soát chặt chẽ 100% dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền thông qua đánh giá tác động, tổ chức lấy ý kiến và tham vấn các đối tượng liên quan.

- Đến năm 2030:

+ Góp phần bảo đảm đến năm 2030, các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) được theo dõi, rà soát, đánh giá và kịp thời kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật.

+ Thực hiện nghiêm các quy định về xây dựng và thi hành pháp luật theo tinh

thần Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị; tăng cường phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi tiêu cực, lợi ích nhóm trong quá trình xây dựng VBQPPL; bảo đảm công khai, minh bạch, phục vụ lợi ích của Nhà nước và Nhân dân theo tinh thần Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27//2025 của Bộ Chính trị.

+ Tham mưu, đề xuất các giải pháp khuyến khích nghiên cứu, đổi mới sáng tạo trong CCHC gắn với chuyên đổi số ở địa phương.

2.2. Cải cách thủ tục hành chính

- Năm 2025 – 2026:

+ Thực hiện rà soát, đánh giá tác động của TTHC; hướng dẫn thực hiện nghiêm túc các phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC đã được phê duyệt.

+ Thực hiện số hóa, quản lý, xử lý 100% TTHC nội bộ trên môi trường điện tử trong từng cơ quan hành chính nhà nước tại UBND xã.

+ Tăng cường chất lượng phục vụ, phấn đấu mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính đạt từ 95% trở lên; trong đó các lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt từ 90% trở lên.

- Đến năm 2030:

+ Thực hiện rà soát, tái cấu trúc quy trình giải quyết TTHC; góp phần triển khai hiệu quả việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo mục tiêu, yêu cầu của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, trong đó chú trọng các TTHC phục vụ doanh nghiệp và các thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã.

+ Duy trì việc thực hiện 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã được xây dựng và cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo mô hình tập trung, tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; phấn đấu tỷ lệ hồ sơ TTHC thực hiện trực tuyến đạt trên 80%. Thực hiện thanh toán trực tuyến đối với 100% thủ tục hành chính có phát sinh nghĩa vụ tài chính; tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 80% trở lên.

+ Hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành; tăng cường kết nối, liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia (về đất đai, hộ tịch, xây dựng, ...) và các lĩnh vực liên quan; thực hiện chia sẻ dữ liệu theo thời gian thực với Cổng Dịch vụ công quốc gia. Thực hiện tái cấu trúc quy trình giải quyết TTHC theo hướng số hóa, ưu tiên các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã.

2.3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Năm 2025 - 2026:

+ Tiếp tục rà soát, làm rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước cấp xã; đẩy mạnh đổi mới, cải tiến phương thức làm việc nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

+ Thực hiện sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp xã theo quy định; giảm đầu mối trung gian, bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu quả.

+ Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo tinh thần “*địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm*”.

- Đến năm 2030: thực hiện các giải pháp tinh giản biên chế theo lộ trình, tiếp tục kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện thành lập đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) cung ứng dịch vụ công cơ bản, thiết yếu, đa ngành, đa lĩnh vực ở cấp xã theo chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh.

2.4. Cải cách chế độ công vụ

- Năm 2025 - 2026: Bảo đảm CBCCVV và người lao động trong khu vực công được tham gia bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyển đổi số; có kiến thức, kỹ năng số cơ bản và khả năng ứng dụng, khai thác hiệu quả các nền tảng, dịch vụ số trong công tác quản lý, điều hành, giải quyết TTHC và cung cấp dịch vụ công.

- Đến năm 2030:

+ Xây dựng đội ngũ CBCCVV chuyên nghiệp, có chất lượng, cơ cấu hợp lý; thực hiện các chỉ tiêu về nâng cao năng lực đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp theo định hướng và quy định của cấp trên.

+ CBCCVV cấp xã được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng công tác, đáp ứng yêu cầu CCHC và hội nhập quốc tế.

2.5. Cải cách tài chính công

- Năm 2025 - 2026:

+ Thực hiện cải cách thủ tục tài chính công theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý ngân sách xã, kiểm soát chi, đầu tư công và quản lý tài.

+ Tiếp tục rà soát, đánh giá hiện trạng tài sản công trên địa bàn xã; thực hiện quản lý và xử lý tài sản công.

- Đến năm 2030:

+ Thực hiện các giải pháp góp phần giảm chi ngân sách nhà nước cho ĐVSNCL theo lộ trình, gắn với tăng cường tự chủ tài chính theo quy định.

+ Thực hiện cơ cấu lại thu – chi ngân sách xã, giảm tỷ lệ chi thường xuyên, ưu tiên bố trí nguồn lực cho đầu tư phát triển.

+ Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác quản lý ngân sách, kiểm soát chi, đầu tư xây dựng cơ bản và quản lý tài sản công.

2.6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

+ Năm 2025–2026: Tổ chức triển khai, thực hiện hiệu quả các Nghị quyết, kế hoạch của tỉnh về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; ứng dụng đồng bộ các hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung trong hoạt động quản lý, điều hành của UBND xã, bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu theo quy định.

- Đến năm 2030:

+ Thực hiện cung cấp đầy đủ dịch vụ công trực tuyến trên nhiều phương tiện truy cập, trong đó có thiết bị di động; bảo đảm 100% văn bản, hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường điện tử, an toàn, bảo mật. Góp phần triển khai các hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước trên môi trường số.

+ Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đột phá tư duy, củng cố quyết tâm chính trị trong lãnh đạo, chỉ đạo nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ về CCHC gắn với đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học công nghệ và chuyển đổi số trên địa bàn xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp

Triển khai kịp thời các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương và của Tỉnh ủy về CCHC, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; cụ thể hóa nội dung chỉ đạo vào chương trình, kế hoạch cụ thể; bảo đảm CBCCVC nắm chắc mục tiêu, yêu cầu, phương thức, thống nhất nhận thức và hành động trong tổ chức thực hiện.

Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo, điều hành và chịu trách nhiệm về kết quả CCHC, chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị mình. Gắn kết quả thực hiện với công tác đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng và bố trí, sử dụng CBCCVC. Tăng cường kiểm tra, giám sát, công khai kết quả thực hiện; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, tiêu cực trong thực thi công vụ.

Xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình phối hợp giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã với chính quyền cấp xã nhằm phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội trong công tác CCHC và chuyển đổi số. Thực hiện việc lấy ý kiến, tiếp thu và phản hồi kịp thời các kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể, cơ quan báo chí và Nhân dân đối với các chính sách, kế hoạch có liên quan; công khai kết quả thực hiện, bảo đảm tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

2. Tăng cường rà soát, hoàn thiện thể chế nhằm thúc đẩy CCHC trên cơ sở ứng dụng khoa học, công nghệ, phát huy đổi mới sáng tạo và triển đổi số

Tổ chức rà soát, hệ thống hóa các VBQPPL thuộc thẩm quyền ban hành; đánh giá tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống văn bản. Kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các quy định không còn phù hợp, chồng chéo, mâu thuẫn hoặc đã hết hiệu lực; bảo đảm thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và thời hạn theo quy định.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện số hóa quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát và kiểm tra VBQPPL. Phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong từng khâu công việc; tăng cường phối hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các ngành, lĩnh vực nhằm bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả công tác xây dựng thể chế.

Thường xuyên kiểm tra, rà soát, đánh giá chất lượng các VBQPPL thuộc thẩm quyền; kịp thời kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ các quy định không còn phù hợp với tình hình thực tế. Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn trong công tác tham mưu, quản lý và hỗ trợ điều hành phát triển kinh tế - xã hội, CCHC và chuyển đổi số của xã.

3. CCHC hướng tới người dân, doanh nghiệp trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quy trình giải quyết TTHC nhằm rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, nâng cao chất lượng cung cấp dịch

vụ công trực tuyến.

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; triển khai hiệu quả cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” điện tử. Thực hiện số hóa hồ sơ, kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu giải quyết TTHC trên nền tảng thống nhất, bảo đảm việc xử lý hồ sơ nhanh chóng, chính xác, công khai, minh bạch.

Nâng cao năng lực vận hành của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; bố trí, đào tạo đội ngũ CBCCVC có kỹ năng số, kỹ năng giao tiếp hành chính và xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử. Từng bước hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin, chuẩn hóa quy trình tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo hướng thống nhất, đồng bộ và công khai.

4. Xây dựng bộ máy hành chính tinh gọn dựa trên nền tảng công nghệ số và đổi mới quy trình

Thực hiện rà soát, điều chỉnh, sắp xếp lại chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bảo đảm rõ người, rõ việc, khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số nhằm rút ngắn quy trình xử lý công việc, nâng cao hiệu quả hoạt động.

Phát huy tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của cấp xã trong quản lý tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính và công vụ; thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động gắn với kết quả CCHC và mức độ hài lòng của người dân làm căn cứ thi đua, khen thưởng, bố trí nhân sự. Đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, bảo đảm thực hiện đúng quy định, công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trước cơ quan cấp trên và Nhân dân.

Căn cứ quy định và thẩm quyền, đề xuất thành lập hoặc kiện toàn đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng các dịch vụ công thiết yếu trên địa bàn xã. Xây dựng danh mục dịch vụ công đủ điều kiện xã hội hóa, phân định rõ nhiệm vụ do Nhà nước thực hiện và nhiệm vụ giao cho các tổ chức, cá nhân ngoài công lập. Áp dụng hình thức đấu thầu, đặt hàng, hợp đồng cung cấp dịch vụ công và đối tác công – tư (PPP); quy định tiêu chuẩn chất lượng, cơ chế giám sát và giá dịch vụ đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả.

5. Đổi mới chế độ công vụ trong kỷ nguyên số, xây dựng đội ngũ cán bộ sáng tạo - chuyên nghiệp - trách nhiệm

Thực hiện quản lý, tuyển dụng, sử dụng và bổ nhiệm theo vị trí việc làm, bảo đảm công khai, minh bạch, và gắn với năng lực thực tế, ứng dụng công nghệ số trong tuyển dụng công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá và đào tạo; xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu cán bộ tập trung phục vụ công tác quy hoạch, sử dụng lâu dài. Thực hiện đánh giá CBCCVC trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ, sản phẩm công việc cụ thể theo KPI; lấy hiệu quả công việc và mức độ hài lòng của người dân, tổ chức làm căn cứ trong công tác quy hoạch, bổ nhiệm, khen thưởng và xử lý trách nhiệm.

Tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số, tư duy đổi mới, sáng tạo cho đội ngũ CBCCVC. Kết hợp linh hoạt các hình thức đào tạo trực tiếp và trực tuyến; gắn kết quả đào tạo, bồi dưỡng với tiêu chí đánh giá, bổ nhiệm và nâng ngạch.

Phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có trình độ chuyên môn, năng lực ngoại ngữ, kỹ năng quản trị đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Tổ chức các hoạt

động đào tạo, bồi dưỡng, hợp tác, trao đổi kinh nghiệm với các tổ chức trong và ngoài nước; từng bước tiếp cận, áp dụng các mô hình, phương pháp quản trị tiên tiến phù hợp với điều kiện thực tế.

Đề cao kỷ luật, kỷ cương hành chính; quy định rõ trách nhiệm của từng vị trí, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, những thiếu sót, thiếu trách nhiệm trong thực thi công vụ. Biểu dương, khen thưởng kịp thời đối với cán bộ gương mẫu, góp phần xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, hiện đại và chuẩn mực.

6. Cải cách tài chính công gắn với chuyển đổi số, đảm bảo sử dụng ngân sách hiệu quả, minh bạch

Triển khai thực hiện cơ chế tự chủ đối với các ĐVSNCL theo quy định; khuyến khích mở rộng nguồn thu hợp pháp, từng bước giảm sự phụ thuộc vào ngân sách nhà nước; tăng số lượng ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên.

Thực hiện cơ cấu lại chi ngân sách theo hướng tiết kiệm, hiệu quả; giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, tăng chi đầu tư phát triển; ưu tiên bố trí nguồn lực cho chuyển đổi số, giáo dục, y tế, an sinh xã hội và phát triển hạ tầng theo quy định. Từng bước chuyển các ĐVSNCL đủ điều kiện sang cơ chế tự chủ, bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính.

Thực hiện các cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích xã hội hóa cung ứng dịch vụ công theo cơ chế thị trường, trọng tâm ở các lĩnh vực y tế, giáo dục, khoa học và công nghệ theo quy định. Mở rộng việc áp dụng các hình thức đấu thầu, khoán nhiệm vụ, khoán kinh phí để nâng cao chất lượng, hiệu quả dịch vụ công; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý tài chính và tài sản công, bảo đảm công khai, minh bạch, nâng cao hiệu quả giám sát và phòng ngừa thất thoát.

7. Đẩy mạnh xây dựng chính quyền số gắn liền với CCHC toàn diện trên nền tảng khoa học công nghệ

Triển khai hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong môi trường số, bảo đảm luôn hoạt động thông suốt; xây dựng hệ thống liên thông, đồng bộ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, điều hành kịp thời và chính xác..

Ứng dụng công nghệ số trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thúc đẩy thanh toán điện tử, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp công nghệ, hình thành “hạt nhân chuyển đổi số” tại mỗi cơ quan, đơn vị; tham gia các phong trào “học tập số”, “Bình dân học vụ số” thường xuyên, liên tục.

Tham gia triển khai mô hình tiếp công dân trực tuyến (gồm các tính năng: Đặt lịch tiếp dân; tiếp nhận, giải quyết đơn thư; quản lý đơn thư và tiếp công dân trực tuyến...).

Phối hợp tham gia triển khai thí điểm mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công theo hướng phối hợp cung cấp dịch vụ hành chính công giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn; tạo điều kiện thuận lợi nhất để người dân, doanh nghiệp tiếp cận và thực hiện TTHC, dịch vụ công mà không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

8. Tăng cường CCHC gắn với chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững kinh tế - xã hội

Gắn chỉ số CCHC và các chỉ số về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới

sáng tạo và chuyển đổi số với mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội, xem đây là thước đo quan trọng để giám sát, đánh giá mức độ cải cách và chất lượng phục vụ. Sử dụng kết quả các chỉ số này làm căn cứ đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ và trách nhiệm của CBCCVC, các cơ quan, đơn vị.

Thực hiện phát triển các mô hình kinh tế số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn gắn với đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ cao. Tăng cường năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường, thúc đẩy phát triển bền vững trong quá trình hội nhập quốc tế.

Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 95% (trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 90%). Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 95%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 90%

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước cấp hằng năm, các nguồn kinh phí phù hợp theo quy định; kinh phí xã hội hoá và các nguồn tài trợ hợp pháp khác để thực hiện.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

Chủ trì, tham mưu UBND xã xây dựng kế hoạch theo từng nhiệm vụ; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến cải CCHC gắn với đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tổ chức triển khai và thực hiện hiệu quả các hoạt động theo đúng mục tiêu, yêu cầu đề ra.

Hướng dẫn, đôn đốc kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch này; báo cáo UBND xã xử lý, giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện; kịp thời biểu dương, khen thưởng đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác CCHC hoặc trình cấp có thẩm quyền theo quy định. Định kỳ hằng quý, 6 tháng và trước ngày 15/12 hằng năm hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Nội vụ*) và UBND xã theo quy định.

2. Văn phòng HĐND và UBND

Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế; bảo đảm 100% văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đúng quy định, thống nhất và đồng bộ; thẩm định văn bản đúng thời hạn; tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các đối tượng chịu sự tác động đối với các dự thảo văn bản theo quy định.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc triển khai các nhiệm vụ về CCHC, chuyển đổi số, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân và hiệu quả hoạt động của chính quyền xã.

3. Phòng Kinh tế

Phối hợp với Phòng Văn hoá - Xã hội rà soát, tham mưu UBND xã xây dựng dự toán, bố trí kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn hiện hành, thúc đẩy công tác thu hút đầu tư, giải ngân vốn đầu tư công và khả năng cân đối của ngân sách địa phương để triển khai thực hiện Kế hoạch đề ra.

4. Trung tâm Dịch vụ công

Tổ chức xây dựng nội dung, các hoạt động thông tin, tuyên truyền sâu rộng về CCHC, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo thông qua hệ thống truyền thanh, mạng xã hội và các hoạt động cộng đồng; nâng cao nhận thức của người dân và doanh nghiệp về dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và các tiện ích số. Phối hợp với các đơn vị liên quan thúc đẩy nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục, y tế, an sinh xã hội và xây dựng đời sống văn hóa gắn với chuyển đổi số.

5. Trung tâm Phục vụ hành chính công

Tổ chức tiếp nhận, hướng dẫn và trả kết quả giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; bảo đảm công khai, minh bạch quy trình, thời gian và kết quả giải quyết TTHC. Trung tâm phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong việc tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý, theo dõi tiến độ, đôn đốc kết quả giải quyết và trả kết quả đúng hạn; đồng thời giám sát chất lượng phục vụ, kịp thời đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả CCHC.

Thực hiện đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hỗ trợ người dân sử dụng các nền tảng số, thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt; tổng hợp, báo cáo định kỳ về tình hình tiếp nhận và giải quyết TTHC, kiến nghị cải cách quy trình và thủ tục nhằm nâng cao mức độ hài lòng của người dân, tổ chức.

6. Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội; các trưởng thôn trên địa bàn xã

Phối hợp tuyên truyền, vận động thành viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch này; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội trong quá trình xây dựng và thực thi pháp luật, cơ chế, chính sách về CCHC của Trung ương và của tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện nâng cao chất lượng công tác CCHC gắn với đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã Năm Dân đáp ứng yêu cầu đổi mới, giai đoạn 2025 - 2030. Đề nghị các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện và báo cáo định kỳ quý, 6 tháng và hằng năm về UBND xã (qua Phòng Văn hoá – Xã hội) để tổng hợp báo cáo theo quy định./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ tỉnh;
- Thường trực Đảng uỷ;
- Thường trực HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Lãnh đạo, CV VP;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quang Hưng

PHỤ LỤC

Danh mục các nhiệm vụ trọng tâm thực hiện nâng cao chất lượng công tác CCHC gắn với đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã Năm Dăn đáp ứng yêu cầu đổi mới, giai đoạn 2025 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND, ngày /01/2026 của UBND xã Năm Dăn)

STT	Chỉ tiêu/KPI	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian
I.	Nâng cao nhận thức, đột phá tư duy, củng cố quyết tâm chính trị trong lãnh đạo, chỉ đạo nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ về CCHC gắn với đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học công nghệ và chuyển đổi số trên địa bàn xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp				
1	Xây dựng kế hoạch, chương trình thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TU	Phòng Văn hoá – Xã hội	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	100%	Trước ngày 15/01/2026
2	Tổ chức tuyên truyền, quán triệt, phổ biến Nghị quyết số 45-NQ/TU, các Kế hoạch của tỉnh, xã đến toàn thể CBCCVC, người lao động và Nhân dân.	Trung tâm Dịch vụ công; Phòng Văn hoá – Xã hội	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	100%	Thường xuyên
3	Giao trách nhiệm cụ thể trong triển khai CCHC; đưa kết quả chỉ số CCHC, chỉ số hài lòng của người dân và doanh nghiệp vào tiêu chí đánh giá, xếp loại cán bộ hằng năm.	Phòng Văn hoá – Xã hội	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	100%	Hằng năm
4	Kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất việc thực hiện CCHC; kịp thời xử lý, khắc phục những tồn tại, hạn chế được phát hiện qua kiểm tra.	Phòng Văn hoá – Xã hội	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tối thiểu 20% cơ quan, đơn vị được kiểm tra/năm	Hằng năm
5	Xây dựng và triển khai chương trình phối hợp giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với chính quyền các cấp	Phòng Văn hoá – Xã hội	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Chương trình, quy chế phối hợp	Năm 2026

II. Tăng cường rà soát, hoàn thiện thể chế nhằm thúc đẩy CCHC trên cơ sở ứng dụng khoa học, công nghệ, phát huy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
1	Tỷ lệ VBQPPL được ban hành đúng pháp luật, thống nhất, đồng bộ.	Văn phòng HĐND và UBND	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	100%	Hàng năm
2	Tỷ lệ VBQPPL được thẩm định trong thời hạn theo quy định	Văn phòng HĐND và UBND	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	100%	Hàng năm
3	Tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ xây dựng VBQPPL cho CBCCVC.	Văn phòng HĐND và UBND	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	≥ 01 lớp tập huấn/năm	Hàng năm
4	Tỷ lệ VBQPPL được lấy ý kiến Nhân dân, Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp và đối tượng chịu tác động (<i>trừ văn bản được soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn</i>).	Văn phòng HĐND và UBND	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	≥90%	Hàng năm
5	Tỷ lệ VBQPPL được đăng tải công khai, minh bạch trên Cổng/Trang thông tin điện tử xã.	Trung tâm Dịch vụ công	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	100%	Hàng năm
6	Tích hợp dữ liệu VBQPPL với cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.	Văn phòng HĐND và UBND	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	100%	Hàng năm
III. CCHC hướng tới người dân, doanh nghiệp trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo					
1	Rà soát, thực hiện các phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC đã được phê duyệt.	Trung tâm Phục vụ HCC	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	100%	Hàng năm
2	TTHC nội bộ được xử lý, quản trị trên môi trường điện tử.	Văn phòng HĐND và UBND	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	100%	Hàng năm

3	TTHC được công bố, công khai đầy đủ, kịp thời.	Trung tâm Phục vụ HCC	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	100%	Hằng năm
4	Tỷ lệ giải quyết hồ sơ TTHC đúng hạn.	Trung tâm Phục vụ HCC	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	≥95%	Hằng năm
5	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết TTHC, dịch vụ công.	Trung tâm Phục vụ HCC	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	≥80%	Hằng năm
6	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính triển khai thanh toán trực tuyến.	Trung tâm Phục vụ HCC	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	100%	Hằng năm
7	Tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến trên tổng giao dịch tài chính.	Trung tâm Phục vụ HCC	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2026: 50% Đến 2030: >50%	Hằng năm
8	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên TTHC đủ điều kiện.	Trung tâm Phục vụ HCC	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	100%	Hằng năm
IV	Xây dựng bộ máy hành chính tinh gọn dựa trên nền tảng công nghệ số và đổi mới quy trình				
1	Rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước	Phòng Văn hoá – Xã hội	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	100%	Năm 2026
2	Sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã.	Phòng Văn hoá – Xã hội	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tinh gọn, giảm mạnh đầu mối trung gian, không chồng chéo chức năng	Hằng năm
3	Kiện toàn ĐVSNCL cung cấp dịch vụ công cơ bản ở cấp xã.	Phòng Văn hoá – Xã hội	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Báo cáo	Hằng năm

V	Đổi mới chế độ công vụ trong kỷ nguyên số, xây dựng đội ngũ cán bộ sáng tạo - chuyên nghiệp - trách nhiệm				
1	Hoàn thiện Đề án vị trí việc làm, xác định khung năng lực từng vị trí.	Phòng Văn hoá – Xã hội	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	100%	Hàng năm
2	Thi tuyển, bổ nhiệm theo vị trí việc làm, công khai, minh bạch, đúng quy trình.	Phòng Văn hoá – Xã hội	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	100%	Hàng năm
3	Tỷ lệ lãnh đạo, quản lý UBND xã có đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.	Phòng Văn hoá – Xã hội	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	25% – 35%	Năm 2030
4	Tỷ lệ lãnh đạo, quản lý cấp phòng trực thuộc UBND cấp xã có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.	Phòng Văn hoá – Xã hội	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	>30%	Hàng năm
5	Tỷ lệ CBCCVC cấp xã được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc.	Phòng Văn hoá – Xã hội	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	100%	Hàng năm
6	Tỷ lệ CBCCVC và người lao động trong khu vực công có hiểu biết về chuyển đổi số, kỹ năng số, sử dụng nền tảng số.	Phòng Văn hoá – Xã hội; Văn phòng HĐND và UBND	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	100%	Hàng năm
VI	Cải cách tài chính công gắn với chuyển đổi số, đảm bảo sử dụng ngân sách hiệu quả, minh bạch				
1	Giảm tỷ lệ chi thường xuyên, hướng mạnh hơn vào chi đầu tư phát triển.	Phòng Kinh tế	Các đơn vị có liên quan	Báo cáo	Hàng năm
2	Tổ chức đấu thầu/đặt hàng công khai, minh bạch; khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức tham gia.	Phòng Kinh tế	Các đơn vị có liên quan	100% văn bản được công khai	Hàng năm
3	Công khai, minh bạch dữ liệu tài chính, ngân sách.	Phòng Kinh tế	Các đơn vị có liên quan	100%	Hàng năm

4	Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong ngân sách, kiểm soát chi, đầu tư công và quản lý tài sản.	Phòng Kinh tế	Các đơn vị có liên quan	100%	Hàng năm
5	Tiếp tục thực hiện rà soát, đánh giá hiện trạng thực tế tài sản công, quản lý, xử lý tài sản công.	Phòng Kinh tế	Các đơn vị có liên quan	Văn bản triển khai thực hiện	Hàng năm
VII	Đẩy mạnh xây dựng chính quyền số gắn liền với CCHC toàn diện trên nền tảng khoa học công nghệ				
1	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.	Trung tâm Phục vụ HCC	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	100%	Hàng năm
2	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của cơ quan hành chính.	Văn phòng HĐND và UBND	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	100%	Hàng năm
3	Tỷ lệ hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước thực hiện qua môi trường số, hệ thống thông tin.	Văn phòng HĐND và UBND	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	≥70%	Hàng năm
4	Hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	Phòng Văn hoá – Xã hội, Trung tâm Phục vụ HCC	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Đạt toàn bộ các chỉ tiêu được giao theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, 71/NQ-CP và các văn bản triển khai thực hiện	Hàng năm
5	Tham gia thực hiện mô hình tiếp công dân trực tuyến (gồm các tính năng: Đặt lịch tiếp dân; tiếp nhận, giải quyết đơn thư; quản lý đơn thư và tiếp công dân trực tuyến ở các điểm cầu...).	Văn phòng HĐND và UBND	Văn phòng HĐND và UBND	Hệ thống được triển khai và hoạt động thông suốt, hiệu quả	Quý I, II/2026

6	Tham gia thí điểm triển khai Đề án đại lý dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh	Trung tâm Phục vụ HCC	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Đề án được triển khai hiệu quả	Tháng 01/2026
7	Phối hợp triển khai Kiến trúc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC dùng chung	Trung tâm Phục vụ HCC	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	100% nhiệm vụ triển khai Kiến trúc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC dùng chung được hoàn thành	Năm 2026
VIII	Tăng cường CCHC gắn với chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững kinh tế - xã hội				
1	Tỷ lệ hỗ trợ trực tuyến và đường dây nóng giải quyết vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp.	Văn phòng HĐND và UBND	Văn phòng UBND tỉnh	100%	Hằng năm
2	Xếp hạng các chỉ số PAR INDEX, PAPI.	Phòng Văn hoá – Xã hội	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Xếp hạng từ 50 đến 55/124 phường/xã	Năm 2030
3	Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp tham gia, sử dụng các dịch vụ chính quyền số.	Phòng Văn hoá – Xã hội, Trung tâm Phục vụ HCC	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	90%	Năm 2030
4	Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.	Phòng Văn hoá – Xã hội	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	≥95%	Hằng năm
5	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC.	Trung tâm Phục vụ HCC	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	≥95%	Hằng năm
6	Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế công lập.	Phòng Văn hoá – Xã hội	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	≥90%	Hằng năm

7	Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ giáo dục công lập.	Phòng Văn hoá – Xã hội	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	$\geq 90\%$	Hằng năm
---	--	------------------------	----------------------------------	-------------	----------